

VỀ CÁC NHÓM NGƯỜI HOA Ở GIA ĐỊNH THẾ KỶ XVII-XVIII

DƯƠNG VĂN HUỆ*

1. Từ lâu Đông Nam Á, bao gồm cả miền Hoa Nam của Trung Quốc đã có nhiều tiểu quốc, hay quốc gia được hình thành từ rất sớm, nhưng không vì vậy mà mối giao lưu giữa các vùng, các quốc gia trong khu vực bị ngăn trở. Ngoài đường bộ, đường biển là con đường giao thông liên lạc chủ yếu giữa các quốc gia này. Từ hàng nghìn năm trước, cư dân các hải đảo đã chuyển cư đến các vùng duyên hải của các quốc gia lục địa và ngược lại. Đồng thời giữa các quốc gia lục địa và hải đảo cũng có sự di dân đến các vùng đất của nhau để làm ăn, sinh sống, điều này đã được sử sách của nhiều quốc gia trong khu vực ghi nhận.

Do các yếu tố tự nhiên, xã hội, truyền thống văn hóa, những biến động của lịch sử... người Hoa ở Hoa Nam đã sớm có mối quan hệ làm ăn sinh sống với các nước láng giềng trong khu vực Đông Nam Á. Ngay các quốc gia ở hải đảo như Indônêxia, Malayxia, Philippin... người Hoa đã đến buôn bán, sinh sống, làm ăn từ thời Hán, Nguyên, Minh... Đến thế kỷ XVI - XVII một hệ thống buôn bán của người Hoa nằm ở các nước khu vực Đông Nam Á đã được kết nối với nhau. Việc buôn bán ở đây có tàu thuyền của các nước trong khu vực Đông Nam Á, Nhật Bản, các nước Nam Á và Ả Rập tham gia.

Đối với Việt Nam, việc làm ăn, buôn bán và định cư của người Hoa cũng xuất hiện

từ rất sớm. Muộn nhất là đến những năm 40 của thế kỷ I sau Công nguyên đã diễn ra cuộc chuyển cư lớn của người Hán vào nước ta - đó là dân "Mã lưu". Suốt thời Bắc thuộc đến đầu thế kỷ XV, quá trình chuyển cư vẫn tiếp tục. Thời Lý, Trần, cảnh Vân Đồn trở thành nơi thuyền buôn các nước giao thương với nước ta, trong số ấy thương gia người Hoa vẫn giữ vị trí quan trọng nhất. Việc buôn bán không chỉ tiến hành ở vùng duyên hải, thời Trần một số thương nhân người Hoa đã xin phép nhà vua cho làm kẻ giữ đất để họ lấy nơi cư trú, buôn bán làm ăn, đất ấy thành phường Hà Khẩu sầm uất giữa Kinh thành Thăng Long.

2. Thế kỷ XVI, đặc biệt các thế kỷ XVII - XVIII, khi đất nước phân chia thành Đàng Trong - Đàng Ngoài, các chúa Trịnh, chúa Nguyễn đều cố gắng tìm cách giao lưu với bên ngoài, thu hút khách thợ để tìm kiếm các các nguồn vũ khí là chủ yếu, vì thế hàng loạt các thương cảng trở nên tấp nập. Việc chúa Nguyễn cho mở các thương cảng, thu hút thương nhân nước ngoài, theo cụ Lê Quý Đôn cho rằng: "hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam không có mỏ đồng, Nhật Bản thì thổ sản có nhiều đồng đỏ (?) nên hàng năm tàu nước ấy chở đến ta bán, nhà nước cử người thu mua cứ 100 cân trị giá 45 quan tiền đồng (tiền cổ). Còn như tàu thuyền các khách buôn ở Phước Kiến và Quảng Đông thuộc nước Trung Hoa có

* Th.S. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh

chuyên chở đồng hồ sang nước ta bán thì phải khai báo đầy đủ giấy tờ, chính phủ ta mới theo giá định trước mà mua, còn thừa khách mới được mua bán đổi chác cho người nước ngoài" (1). Ở Đàng Trong, ngoài Hội An, Quy Nhơn, Hòn Khói... vốn tấp nập từ trước, các thương cảng ở Gia Định dần dần được mở rộng quy mô hay được xây dựng mới như Cù lao Phố, Gia Định, Hà Tiên... Khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn đã lắng dịu, những thương cảng ở Gia Định không chỉ thu hút các thương nhân phương Đông truyền thống như Trung Quốc, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á, mà thuyền buôn các nước phương Tây cũng thường xuyên lui tới buôn bán. Tuy nhiên đông đảo nhất vẫn là các thương nhân người Hoa vùng Hoa Nam. Sách *Văn đài loại ngữ* có ghi: "Tỉnh Quảng Đông đất rộng, người đông nhưng có tục thích buôn bán (TG. nhấn mạnh), phần nhiều trồng cỏ cây, thuốc lá, gạo thóc thì rất ít. Quá nửa dân ấy ăn bám ở tỉnh khác hoặc mua gạo ở nước Nam" (2). Ngoài số thương nhân, số người Hoa lưu vong cũng rất đáng kể. Thời Minh có 6 triệu dân lưu vong chiếm 1/10 dân số khi ấy, nhiều người đi các nước thuộc khu vực Đông Nam Á tìm kế sinh nhai (3).

Đầu thời Thanh, kinh tế xã hội bị tàn phá nghiêm trọng, các thành thị như Gia Định, Quảng Châu, Nam Xương... đều bị binh lửa tàn phá, khu vực Hồ Quảng: "trong thành không có bức tường nào nguyên vẹn, chợ búa cỏ dại mọc tràn lan..." (4), người lưu tán khắp nơi.

Từ năm 1661, nhà Thanh ban bố lệnh "cấm hải", "di huyện dời dân", nhằm triệt đường Trịnh Thành Công và các lực lượng chống Thanh khác. Theo đó, dân các tỉnh ven biển Sơn Đông, Hà Bắc, Giang Tô, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông và

các hải đảo dời vào đất liền cách bờ biển từ 15 đến 20 km. Vì thế dẫn tới tình trạng: "dân ở ven biển bốn tỉnh, người già yếu chết nơi ngòi rãnh, kẻ trẻ khoẻ lưu lạc bốn phương, không biết mấy vạn người" (5). Ở Quảng Đông, dân đen ở quê đều phải cày thuê cho kẻ có thể lực. Năm được mùa thì dân nghèo cũng được chia rất ít, gặp năm mất mùa, những kẻ không có sản nghiệp ai mạnh, khỏe thì lưu lạc bốn phương, ai già yếu chịu chết nơi ngòi rãnh (6).

Sau khi nhà Minh diệt vong, một số trung thân nghĩa sĩ chạy sang các nước Đông Nam Á: Chu Do Lang đem quân lưu vong qua Miến Điện, Chu Tuấn Thủy chạy sang Nhật, Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch đưa gia quyến cùng binh lính sang nước ta, sau đó được đưa tới Chân Lạp. Mạc Cửu đã từng chạy sang Philippin trước khi đến Chân Lạp sinh sống làm ăn.

Ở Đàng Trong, những nơi người Hoa đến làm ăn sinh sống thành làng xóm riêng biệt, các chúa Nguyễn đều đặt tên là làng "Minh hương" hoặc Thanh Hà dấu nơi họ ở là Hội An, Biên Hòa, Gia Định hay Hà Tiên hoặc đảo Phú Quốc.

3. Đất Thủy Chân Lạp trước khi Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch được chúa Nguyễn viết thư cho vua Chân Lạp xin cho đến ở Đồng Nai và Mỹ Tho, hẳn đã có những nhóm người Hoa đến sinh sống, làm ăn buôn bán (7). Vùng heo hút, ít dân như Hà Tiên, suốt một dải từ Congpong Som về Cà Mau cuối thế kỷ XVII chỉ có 7 xã thôn mà đã có tàu bè các nước, trong đó có tàu buôn Trung Quốc đến buôn bán, người Hoa đến làm ăn, thì những vùng đất trù phú như Sài Gòn, Đồng Nai, Mỹ Tho, và còn cả những nơi khác đông dân, sản sản vật, nhiều lúa gạo sẽ thu hút thương nhân và đặc biệt là những thương nhân

người Hoa đến sinh sống. Đến thế kỷ XVII người Việt, người Hoa đã định cư sinh sống không chỉ ở đất Preiko mà đã có mặt ở cả kinh đô của Chân Lạp và Xiêm La.

Đối với những nhóm cư dân người Hoa, dù cư trú ở những vùng lãnh thổ khác nhau, các quốc gia khác nhau, họ vẫn giữ mối liên hệ mật thiết. Trường hợp Mạc Cửu chẳng hạn, mặc dù bỏ tiền mua chức Ốc nha trong triều đình Chân Lạp, nhưng ông vẫn liên lạc với nhóm người Hoa của Trần Thượng Xuyên ở Cù lao Phố (kể cả thời gian trước và sau khi vùng đất này thành chủ quyền của chúa Nguyễn). Điều đặc biệt hơn nữa, dù Mạc Cửu mang quan chức của chính quyền Chân Lạp nhưng ông ta lại lấy người vợ Việt họ Bùi quê vùng Đồng Môn (Long Thành - Đồng Nai) sinh ra Mạc Thiên Tứ, người rất có công với Hà Tiên sau này (8). Mặt khác cũng qua chi tiết về phu nhân của Mạc Cửu cho thấy sự có mặt từ rất sớm của người Việt trên đất Đồng Nai - Gia Định trước khi vùng này chính thức thuộc chủ quyền của chúa Nguyễn.

4. Từ 1679 - 1680, trên đất Đồng Nai - Gia Định xuất hiện thêm những đoàn người Hoa lớn lưu vong. Trong đó quan trọng nhất là binh lính cùng quyến thuộc lên đến trên 3.000 người của Dương Ngạn Địch, Hoàng Tiến, Trần Thượng Xuyên, Trần An Bình. Họ đi trên 50 chiến thuyền đậu dọc bờ biển từ cửa Tư Hiền đến Đà Nẵng để xin thần phục chúa Nguyễn. Sau khi bàn bạc, cân nhắc thiệt hơn, chúa Nguyễn Phước Hiền đã ban quan tước cho họ, lại viết thư và sai người đem thư đến trao cho vua Chân Lạp, yêu cầu chia, cấp đất đai cho họ để họ khai khẩn làm ăn (9). Như thế trên danh nghĩa họ Dương, họ Trần đã nhận quan tước và nhiệm vụ của chúa Nguyễn vào đất Đồng Nai - Gia Định chứ không thuần túy là những người bỏ xứ

ra đi tỵ nạn. Họ đã thành thân dân của chúa Nguyễn.

Nhóm Trần Thượng Xuyên đến Bàn Lân lập nghiệp, mở mang đất đai, thu hút dân cư đến làm ăn sinh sống (10), rồi sau đó mới thu hút khách thương đến buôn bán làm ăn ở Cù lao Phố gồm có người châu Âu, Nhật, Mãlai... nòng cốt ban đầu là các lái buôn Trung Quốc (11). Như vậy, Trần Thượng Xuyên không chỉ có công tập hợp thương nhân lập ra Cù lao Phố với hoạt động thương mại tấp nập, ngày càng phát triển phồn thịnh, trở thành đầu mối buôn bán của cả miền Đồng Nai - Gia Định cho đến khi Tây Sơn vào chiếm, mà ông còn có công mở mang vùng Bàn Lân (Tân Lân) - nay gần chợ Biên Hòa. Tuy nhiên vùng Bàn Lân không phải là chỗ không người, Trần Thượng Xuyên được đưa đến Bàn Lân là vùng đã có sẵn dân cư, trong số ấy có không ít cư dân vốn là lưu dân người Việt (12), vì thế chưa đầy 20 năm sau khi Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý, lấy đất Đông Phố đặt làm phủ Gia Định, phân ra vùng Đồng Nai làm huyện Phước Long, đặt dinh Trấn Biên, vùng Sài Gòn làm huyện Tân Bình đặt dinh Phiên trấn thì đất đã tới nghìn dặm mà dân đã có 4 vạn hộ.

Vai trò của nhóm Dương Ngạn Địch ở Mỹ Tho mờ nhạt hơn. Năm 1679, đến Mỹ Tho, Dương Ngạn Địch cũng lập ra Mỹ Tho đại phố (13) quy tụ người Hoa, người Việt, người Miên vỡ đất làm ruộng lập ra trang trại thôn ấp, tàu thuyền buôn bán ngày càng tấp nập. Chẳng bao lâu sau, 1682 một lực lượng người Hoa của Dương Ngạn Địch đã bị lôi kéo vào cuộc xung đột giữa Nặc Thu và Nặc Nộn. Năm 1688, phó tướng Hoàng Tiến giết chủ tướng là Dương Ngạn Địch tự xưng là Phấn Dũng Hồ oai tướng quân, nắm toàn bộ tướng sĩ Long Môn, củng cố lực lượng để tiến hành cướp bóc

dân Cao Miên, tạo ra sự bất ổn trong vùng. Chúa Nguyễn Phúc Trấn sai tướng Mai Vạn Long vào Mỹ Tho dùng phục binh giết Hoàng Tiến, toàn bộ binh tướng Long Môn giao cả cho Trần Thượng Xuyên nắm giữ để phối hợp đánh Nặc Thu.

Gần như song song với sự có mặt của Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch ở Cù lao Phố và Mỹ Tho, thì Mạc Cửu cũng xuất hiện ở vịnh Thái Lan với cách mở đất cũng khá đặc biệt. Mạc Cửu vốn quê ở Lôi Châu (Quảng Đông) là một thương gia trẻ tuổi năng động, thường buôn bán ở Philippin và có lẽ đã từng liên hệ mật thiết với Trịnh Thành Công ở Đài Loan trong việc buôn bán và cung cấp nguồn tài chính. Khi nhà Minh mất, ông vẫn để tóc dài không chịu róc tóc (14), bỏ nước ra đi. Đến Chân Lạp ông bỏ tiền để mua chức Ốc nha và làm quan ở đấy (15). Tuy nhiên, do chính trị Chân Lạp hết sức rối ren, ông bỏ Nam Vang về phủ Sài Mạt nơi có người Kinh, người Hoa, người Chân Lạp, người Chà Và buôn bán đông đúc (16), đến đất Mường Khảm (còn có các tên gọi khác là Mang Khảm, Phương Thành - Hà Tiên), mở sòng gá bạc mà đánh thuế gọi là "hoa chi", rồi lại giàu bõc nhờ đào được hố bạc. Ông chiêu tập dân xiêu tán người Việt lập ra 7 xã thôn trải dọc ven biển suốt từ Công Pông Som về tận Cà Mau. Khoảng năm 1687 - 1688 quân Xiêm vào cướp phá Hà Tiên, Mạc Cửu bị bắt đưa về Xiêm, ở Vạn Tuế Sơn. Một thời gian sau, ông lén trở về Lũng Kỳ (Lũng Cỏ), dân xiêu tán về với ông ngày một đông, nhưng địa thế nơi này chật hẹp nên ông quyết định rời trở lại Phương Thành (khoảng năm 1700). Cũng từ đây, Mạc Cửu tìm cách xích lại với người Việt và chính quyền chúa Nguyễn ở Gia Định. Năm 1708, sau khi tham khảo ý kiến của Tô Quân, Mạc Cửu cùng thuộc hạ là Lý

Xá, Trương Cầu đem lễ vật đến cửa khuyết dâng biểu xin thần phục, chúa Nguyễn Phúc Chu ban sắc cho làm thuộc quốc, đặt tên đất ấy thành trấn Hà Tiên, trao cho Mạc Cửu chức Tổng binh (17).

6. Năm 1699-1700, Trần Thượng Xuyên sau khi được giao kiêm quản tướng sĩ Long Môn đã phối hợp cùng Nguyễn Hữu Cảnh, Phạm Cẩn Long đánh thắng quân Nặc Thu nhiều trận, bao vây, hạ thành Nam Vang. Nặc Thu phải đầu hàng. Suốt 15 năm sau đó, Trần Thượng Xuyên cùng thuộc hạ, gia quyến một mặt mở mang buôn bán ở Cù lao Phố, mặt khác giúp Nguyễn Cửu Vân, Nguyễn Cửu Phú, Nguyễn Cửu Phúc ổn định tình hình quân sự, chính trị ở Gia Định và luôn cả lãnh thổ Chân Lạp.

Sau khi Trần Thượng Xuyên mất (1715), con ông là Trần Đại Định được chân ấm tử, rồi dần dần làm quan đến thống binh. Năm 1731, ông đem thuộc tướng Long Môn đánh quân Chân Lạp ở Phù Viên (Vườn Trầu - Hóc Môn) lập công lớn, ông lại cùng Trương Phước Vĩnh, Nguyễn Cửu Chiêm chia quân làm ba đường truy kích địch đến tận Ba Nam và thắng lớn. Năm 1732, Trần Đại Định lại một lần nữa đem quân sang Lò Việt (Lô Việt) tiếp tục đánh thắng quân Chân Lạp. Do vụ án Nguyễn Phước Vĩnh khiến Trần Đại Định bị oan và chết ở trong ngục, chúa Nguyễn Phước Chú thương xót ông cho truy tặng hàm Đô đốc đồng tri. Cháu của Trần Thượng Xuyên là Trần Đại Lực do có công cũng làm đến chức Cai đội cho đến lúc Tây Sơn vào đánh Gia Định năm 1776.

Ở Hà Tiên, Mạc Cửu một mặt củng cố thành lũy, mặt khác ông tiếp tục khuếch trương buôn bán làm ăn, biến nơi đây thành tiền đồn canh giữ cả đất Gia Định nhưng cũng là một đầu mối làm ăn buôn

bán lớn với trong nước và bên ngoài của nước ta thuở ấy (18). Năm 1736, sau khi Mạc Cửu mất, chúa Nguyễn Phước Chú cho Mạc Thiên Tứ làm Hà Tiên trấn Đô đốc, được ban ba thuyền "Long bài" (19) cho miễn thuế. Ông còn được phép mở lò đúc tiền để việc buôn bán được dễ dàng, đây là những biệt đãi của chúa Nguyễn đối với họ Mạc ở đất Hà Tiên. Từ đó, Mạc Thiên Tứ chia đất nha thuộc, tuyển lựa binh lính, đắp thêm thành bảo, mở mang phố chợ do vậy thương nhân các nước đến buôn bán ngày càng đông (20). Ông cũng tập hợp văn sĩ khắp nơi gồm 25 người Hoa và 6 người Việt về Hà Tiên lập ra Chiêu Anh Các, sáng tác của họ lên đến 320 bài thơ, được in thành tập "Hà Tiên thập vịnh" rất nổi tiếng trong lịch sử (21).

Trong đời Mạc Thiên Tứ, ngoài công lao xây dựng Hà Tiên thêm phần thịnh, ông còn có công bảo vệ phần đất trọng yếu của Gia Định, chống trả lại những lần quân Chân Lạp, quân Xiêm và cướp biển thường xuyên vào cướp phá suốt thời gian từ 1739 đến 1773. Đặc biệt thời gian 1756-1757, Mạc Thiên Tứ là người có công lớn nhất trong việc giúp chúa Nguyễn thiết lập chủ quyền trên các phần đất Tầm Bôn, Xoài Rạp, Trà Vinh, Ba Thắc, Tâm Phong Long... Năm 1777, do những biến cố ở Gia Định, Mạc Thiên Tứ chạy sang Xiêm rồi phải tự tử ở đấy, các con cháu ông phần nhiều cũng bị vua Xiêm giết hại. Số còn lại như Mạc Công Bính, Mạc Tử Thiêm, Mạc Công Du... đều hết lòng phục vụ chúa Nguyễn cho đến tận sau này (22).

7. Trong lúc các trung tâm định cư, buôn bán làm ăn của các nhóm người Hoa ở Cù lao Phố, Mỹ Tho, Hà Tiên, Gia Định... không ngừng chuyển biến về nhiều mặt thì tại khu vực nằm giữa hai cửa biển Trấn Di và Mỹ Thanh cũng hình thành một trung

tâm định cư và buôn bán làm ăn của người Hoa - trung tâm Ba Thắc. Về thời điểm hình thành trung tâm này có người cho rằng nó được hình thành từ cuối thế kỷ XVII xuất hiện sau khi Hoàng Tiến làm phản và bị chúa Nguyễn trừng phạt, một số tàn quân của ông chạy về đây lập ra trung tâm này. Cũng có ý kiến dựa vào nguồn tài liệu của phương Tây cho rằng trung tâm Ba Thắc được hình thành từ đầu thế kỷ XVIII. Ghi chép của Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* về một thương nhân họ Trần người Trung Quốc cho ta biết rằng thương cảng Ba Thắc nằm trong hệ thống buôn bán của các thương nhân từ Trung Quốc, đến các nước Đông Nam Á, đặc biệt ông ta rất thông thạo hải trình từ Quảng Đông qua các thương cảng ở Việt Nam ở Đàng Ngoài, đến Hội An, Cù lao Phố, Gia Định, Ba Thắc, Hà Tiên...

Năm 1768, một cố đạo phương Tây khi đến Ba Thắc đã ghi nhận rằng dân ở chợ đa số là người Hoa, thuyền buôn đều là của người Trung Hoa neo đậu san sát có từ một trăm đến một trăm năm mươi chiếc. Hàng hóa của họ mua chủ yếu là gạo và đường (23). Căn cứ vào chi tiết ghe thuyền đến Ba Thắc buôn bán phải chờ nước lên mới vào được, ta có thể khẳng định vị trí Ba Thắc nằm ở khu vực chợ Bãi Xâu (thuộc Mỹ Xuyên - Sóc Trăng) hiện nay. Ngoài ra, cũng theo ghi chép của Trịnh Hoài Đức, của sử quán triều Nguyễn, ở vùng Ba Thắc còn một trung tâm buôn bán khác nằm ở Vàm Tấn (Đại Ngãi, huyện Long Phú, Sóc Trăng), đây là nơi neo đậu của các tàu buôn nước ngoài, đặc biệt là của tàu buôn phương Tây. Như thế, số lượng tàu buôn ở Ba Thắc gấp nhiều lần số tàu buôn đến Hội An cùng thời kỳ đã được Lê Quý Đôn ghi chép, thống kê. Bên cạnh việc buôn bán, nghề làm muối đổ của người Hoa ở Ba Thắc

cũng rất nổi tiếng. Nơi đây còn là vựa lúa, vựa trái cây nổi tiếng gắn liền với tên tuổi của những nông dân gốc Triều Châu. Tại đây người Hoa còn mở mang nghề cá và nhiều nghề thủ công nổi tiếng khắp vùng.

Sự có mặt của người Hoa từ thế kỷ XVII, XVIII đã góp phần tạo nên những chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội và văn hóa. Đối với một số nhóm người Hoa, sau khi nhận quan tước, họ trở thành thần dân của chúa Nguyễn, từ đó họ đã cùng với người Việt có những hành động thiết thực

giúp các chúa Nguyễn mở mang và củng cố chủ quyền trên đất Gia Định. Cũng từ đó dấu ấn văn hóa của người Hoa qua ngôn ngữ, văn học, lễ nghi, phong tục - tập quán sinh hoạt và làm ăn, đến kiến trúc đền chùa, phố xá, nhà cửa... ở Gia Định ngày càng có vị trí quan trọng, điều này đã được Trịnh Hoài Đức ghi lại khá tỉ mỉ trong *Gia Định thành thông chí*. Những dấu ấn ấy góp phần hình thành nên văn hóa và lịch sử Nam Bộ nói chung trong thời các chúa Nguyễn.

CHÚ THÍCH

(1). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nha Quốc vụ khanh xuất bản, Sài Gòn, 1971, tập 1, tr. 44 - 45.

(2). Lê Quý Đôn, *Văn đài loại ngữ*, tập 1, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1995, tr. 218.

(3), (4), (5), (6). Lục Đức Dương, *Lịch sử lưu dân*, Nxb. Trẻ, 2001, tr. 139 - 142, 143, 144, 144.

(7). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tập 1, tr. 173.

(8), (9), (10), (12), (13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr. 30, 184, 81, 62, 111.

(11). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 194.

(14), (18), (21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, sdd, tập 1, tr. 173, 187, 175 - 182.

(15). Mạc Cửu đến Nam Vang khoảng năm 1680.

(16). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định Thành thông chí*, sdd, tr. 119 - 120, *Đại Nam liệt truyện*, sdd, tr. 173.

(17). Căn cứ vào *Đại Nam liệt truyện* và tuổi của Mạc Thiên Tứ thì năm 1708 Mạc Cửu đã lấy người vợ Việt họ Bùi.

(19). Thuyền buôn của Hà Tiên khi đến Hội An phải nộp tiền thuế như thuyền ngoại quốc dù mức thuế có nhẹ hơn (*Phủ biên tạp lục*, sdd, tr. 67).

(20). *Đại Nam liệt truyện*, sdd, tập 1, tr. 175-176; *Đại Nam nhất thống chí*, sdd, tập 5, tr. 31.

(21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, sdd, tập 1, tr. 175-182.

(22). *Phủ biên tạp lục*, sdd, tập 2, tr. 72-74, 159-168.

(23). Huỳnh Lúa, *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1987, tr. 89-90.